TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN HIỆP HÒA	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BẮC GIANG	

Bản án số: **42**/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2018

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

2/ Ông Trương Đức Lâm.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX- ST ngày 30 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Vũ Thị H, sinh năm 1984- Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn B, sinh năm 1982- Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11/6/2018, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Vũ Thị H) trình bày: Chị và anh Đặng Văn B cưới nhau có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/8/2005 tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh B. Sau khi cưới chị về nhà anh B làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng B thường, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không có trách nhiệm với gia đình, cờ bạc, trai gái, thường xuyên đánh đập vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2014 đến nay, chấm dứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng có được hai bên gia đình động viên, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh B không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được, vì vậy chị làm đơn xin ly hôn anh B, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- *Về con chung:* Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là: Đặng B M, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Đặng Trà M, sinh ngày 06/01/2014. Hiện nay hai cháu đang ở với chị, cháu bé vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị để chị được trực tiếp nuôi cả hai con chung của vợ chồng, vì hiện nay anh B không có nghề nghiệp gì nên không có thu nhập, không có khả năng để nuôi con chung của vợ chồng. Hiện nay chị làm nghề kinh doanh sắt thép, thu nhập bình quân hàng tháng của chị từ 15 đến 20 triệu đồng/1 tháng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị không mang thai.

- *Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác:* Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung; Về ruộng đất không có liên quan, chưa có công sức đóng góp cùng gia đình, vợ chồng không nợ ai, và không ai nợ vợ chồng. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Đặng Văn B) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nh-ng vẫn vắng mặt, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã trực tiếp cùng với địa phương về làm việc tại gia đình nhưng anh B vắng mặt, gia đình (bà Đặng Thị T- là mẹ đẻ của anh B) cung cấp như sau: Gia đình đã nhận đ- ợc các thông báo, quyết định cũng nh- giấy triệu tập của Tòa án và thông báo, giao lại các giấy tờ của Tòa án cho anh B, nh- ng do anh B hiện đi làm ăn kinh tế ở các nơi, không có làm cố định chỗ nào, nay chỗ này, mai chỗ khác thỉnh thoảng anh B mới về một vài hôm lại đi, gia đình không có địa chỉ cụ thể của anh B. Khi anh B về nhà ngày 16/6/2018 (âm lịch) để dự đám cưới em gái, bà T cũng đã báo và giao lại các thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp và hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án cho anh B để lên Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh B và chị H, anh B đã nhận lại toàn bộ giấy tờ nhưng có quan điểm là Tòa án muốn giải quyết thế nào thì giải quyết còn anh B không lên Tòa án làm việc, anh B không có quan điểm gì khác nữa nên bà T cũng chỉ biết như vậy. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng anh B, chị H phát sinh ngay từ khi mới cưới do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, gia đình vẫn khuyên bảo thường xuyên, còn việc vợ chồng ly thân từ khi nào thì gia đình không nhớ rõ vì cả

hai vợ chồng đều đi làm ăn kinh tế thỉnh thoảng mới về nhà. Về con chung, vợ chồng anh B, chị H sinh được hai con chung và hiện nay các cháu vẫn đang ở với chị H, các cháu vẫn phát triển tốt, vợ chồng ly hôn thì quan điểm của gia đình là giao cho mỗi người nuôi một con chung của vợ chồng; trường hợp chị H đảm đang nuôi được cả hai con chung thì giao cả hai cháu cho chị H nuôi, anh B phải có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung cùng chị H. Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác gia đình xác định không có liên quan gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2018 của chị H đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đặng Văn B (là bị đơn) đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn có tên nêu trên.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị H thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của người làm chứng được biết vợ chồng chị H, anh B từ khi kết hôn có thời gian chung sống hạnh phúc được 01 năm đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng hay đánh cãi nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2014 đến nay, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Địa phương cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B không thể hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ được vì anh B sống không có trách nhiệm gì với gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh B. Chị H, anh B ly thân đã lâu, không còn quan tâm gì tới nhau nữa, anh B không đến Tòa án để làm việc và tham gia hòa giải, không có ý kiến gì về việc chị H có đơn xin ly hôn anh B cũng đã phản ánh đến việc anh B không còn có ý thức trong việc xây dựng hạnh phúc vợ chồng với chị H. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H xin ly hôn anh Đặng Văn B cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Chị H và gia đình anh B đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng B M, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Đặng Trà M, sinh ngày 06/01/2014, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu bé vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con chung của vợ chồng. Qua trao đổi địa phương có quan điểm các con chung của vợ chồng anh B, chị H từ nhỏ đến nay vẫn do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị H có công ăn việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng B quân là 20 triệu đồng, trong khi đó anh B sống buông thả, không có kinh tế, vì vậy địa phương đề nghị giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con của vợ chồng sẽ đảm bảo được sự phát triển tốt nhất của các cháu. Phía gia đình anh B cũng xác định trường hợp chị H có đủ khả năng nuôi cả hai con thì nên giao hai con chung của vợ chồng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, qua ý kiến của các bên đương sự và của địa phương, xác định được từ nhỏ đến nay chị H vẫn trực tiếp nuôi cả hai con chung của vợ chồng, các cháu bé vẫn phát triển bình thường, anh B không quan tâm chăm sóc gì. Vì vậy, cần giao cho chị H nuôi cả 02 con chung của vợ chồng là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên yêu cầu nuôi con của chị H cần được chấp nhận. Anh B được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Xét việc chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[5]. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[6]. Về án phí: chị Vũ Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Đặng Văn B.

Về con chung: Giao chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi 02 con chung của vợ chồng là cháu Đặng B M, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Đặng Trà M, sinh ngày 06/01/2014. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Đặng Văn B được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001484 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Vũ Thị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H được ly hôn anh Đặng Văn B.

Về con chung: Giao chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi 02 con chung của vợ chồng là cháu Đặng B M, sinh ngày 27/6/2006 và cháu Đặng Trà M, sinh ngày 06/01/2014. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Đặng Văn B được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001484 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Vũ Thị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh BG*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn